

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2019/HC-ST
Ngày: 13/6/2019
V/v “*khieux kiện quyết định hành
chính về việc thu hồi đất, bồi
thường, hỗ trợ khi thu hồi đất và
giải quyết khiếu nại*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Công Lực

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Mỹ;

Ông Nguyễn Văn Cương.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lý Đạo Phú Quý – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên
tòa:*** Bà Trần Thị Lý Loan - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 07 và 13/6/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 05/2019/TLST-HC ngày 11/01/2019 về việc: “*Khiếu kiện quyết định hành chính về việc thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi đất và giải quyết khiếu nại*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2019/QĐXXST-HC ngày 06/5/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2019/QĐST-HC ngày 23/5/2019, giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Ông L.N.C, sinh năm 1956;

Địa chỉ thường trú: Thị xã K, tỉnh Bình Dương; địa chỉ liên hệ: Quận L, Thành phố Hồ Chí Minh. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông L.N.C: Luật sư B.K.T-Văn phòng Luật sư T.T.H thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ: Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh. Có mặt (vắng mặt khi tuyên án).

- Người bị kiện:

1. UBND thị xã K.

2. Chủ tịch UBND thị xã K.

Cùng địa chỉ: Thị xã K, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp: Ông V.A.T – Phó Chủ tịch UBND thị xã K; địa chỉ: Thị xã K, tỉnh Bình Dương, là người đại diện theo ủy quyền (theo văn bản ủy quyền ngày 28/3/2019). Vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* UBND tỉnh Bình Dương; địa chỉ: Trung tâm Hành chính tỉnh Bình Dương, phường Hòa Phú, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp: Ông T.P.T – Phó Chi cục Trưởng Chi cục Quản lý đất đai trực thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương, địa chỉ: Trung tâm Hành chính tỉnh Bình Dương, phường Hòa Phú, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, là người đại diện theo ủy quyền (theo văn bản ủy quyền ngày 19/4/2019). Vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 12/11/2018, đơn khởi kiện bổ sung ngày 05/4/2019 và lời trình bày của người khởi kiện là ông L.N.C trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án:*

Ngày 13/01/2003, ông L.N.C được Ủy ban nhân dân (sau đây viết tắt là UBND) huyện (nay là thị xã) Dĩ An cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ 4528/QSDĐ/HTHHBA với diện tích 297m² thuộc thửa 681 tờ bản đồ số 8 tại ấp Ngãi Thắng, xã Bình An, huyện K (nay là phường Bình Thắng, thị xã Dĩ An), tỉnh Bình Dương.

Ngày 12/12/2008, UBND tỉnh Bình Dương ban hành Quyết định 3949/QĐ-UBND về việc thu hồi đất bồi thường giải phóng mặt bằng phục vụ công trình xây dựng cầu Đồng Nai mới và đường dẫn hai đầu cầu tại xã N, huyện K, tỉnh Bình Dương, đính kèm danh sách cá nhân, tổ chức, hộ gia đình có đất bị thu hồi, nhưng không có tên ông L.N.C.

Ngày 14/9/2009 Chủ tịch UBND huyện K (nay là thị xã K) ban hành Quyết định số 3318/QĐ-UBND về việc công bố tiền bồi thường về đất và tài sản trên đất cho L.N.C. Ngày 29/9/2009, UBND huyện K ban hành Quyết định số 4798/QĐ-UBND về việc thu hồi đất của ông L.N.C.

Ông L.N.C có đơn khởi kiện Quyết định số 3318/QĐ-UBND ngày 14/9/2009 của UBND huyện K. Tại Bản án hành chính phúc thẩm số 02/2012/HCTP ngày 27/3/2012 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương đã tuyên xử hủy quyết định số 3318/QĐ-UBND ngày 01/9/2009 của Chủ tịch UBND huyện Dĩ An.

Ngày 15/4/2015, UBND tỉnh Bình Dương ban hành Quyết định 910/QĐ-UBND về việc đính chính danh sách các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có đất bị thu hồi để giải phóng mặt bằng phục vụ công trình xây dựng cầu Đồng Nai mới và đường dẫn hai đầu cầu, khi đó mới bổ sung tên ông L.N.C vào danh sách.

Quyết định 910/QĐ-UBND ngày 15/4/2015 của UBND tỉnh Bình Dương là quyết định gốc để UBND thị xã K làm căn cứ ban hành quyết định thu hồi đất và quyết định bồi thường, hỗ trợ thiệt hại về đất bị thu hồi của ông L.N.C.

Tuy nhiên, UBND thị xã K không ban hành Quyết định mới để thu hồi đất của ông L.N.C, mà lại ban hành Quyết định 4177/QĐ-UBND ngày 28/7/2015 sửa đổi, bổ sung căn cứ pháp lý tại Quyết định số 4798/QĐ-UBND, ngày 29/9/2009 của UBND huyện K về việc thu hồi đất. Như vậy, cả hai Quyết định số 4798/QĐ-UBND ngày 29/9/2009 và Quyết định số 4177/QĐ-UBND ngày 28/7/2015 của UBND thị xã K đều trái với quy định của pháp luật về đất đai, pháp luật về khiếu nại và làm xâm hại đến quyền lợi hợp pháp của ông L.N.C.

Ngày 15/6/2016, Chủ tịch UBND thị xã K ban hành Quyết định 2270/QĐ-UBND, về việc bồi thường và hỗ trợ về đất và tài sản gắn liền với đất cho ông L.N.C như sau: *“Diện tích giải tỏa 48,2m² đất hành lang đường bộ 77.120.000 đồng; Về công trình phụ, vật kiến trúc: 4.200.750 đồng; tổng cộng 81.320.750 đồng”*.

Ông L.N.C tiếp tục có đơn khởi kiện quyết định hành chính nêu trên. Ngày 15/9/2016, Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử vụ án và tuyên Bản án sơ thẩm số 19/2016/HC-ST, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông L.N.C. Ông L.N.C kháng cáo, đến ngày 10/8/2017 Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử vụ án và tuyên Bản án hành chính phúc thẩm số 178/2017/HC-PT, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông L.N.C và hủy Quyết định số 2270/QĐ-UBND, ngày 15/6/2016 của Chủ tịch UBND thị xã K. Buộc Chủ tịch UBND thị xã K phải thực hiện nhiệm vụ, công vụ theo quy định của pháp luật.

Ngày 13/7/2018, UBND thị xã K ban hành Quyết định số 2925/QĐ-UBND, có nội dung: *“Công bố tiền bồi thường, hỗ trợ về đất và tài sản gắn liền với đất đối với ông L.N.C, ngụ tại số 122 (số cũ 41/13) Xa lộ Hà Nội, khu phố Quyết Thắng, phường N, thị xã K, tỉnh Bình Dương, cụ thể như sau: Về đất: 265.100.000 đồng. Diện tích giải tỏa: 48,2m² đất thuộc hành lang bảo vệ đường bộ. Về công trình phụ, vật kiến trúc: 4.200.750đ. Tổng cộng: 269.300.750 đồng...”*.

Theo ông L.N.C, Quyết định số 2925/QĐ-UBND ngày 13/7/2018 của UBND thị xã K, giải quyết bồi thường hỗ trợ thiệt hại về đất cho ông L.N.C với đơn giá 5.500.000đ/m² theo phương án dự toán kinh phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư (đợt 2) công trình xây dựng cầu Đồng Nai mới và đường dẫn hai đầu cầu trên địa bàn thị xã K đính kèm theo Quyết định số 3764/QĐ-UBND ngày 19/8/2009 của UBND tỉnh Bình Dương là không đúng và không phù hợp với quy định của pháp luật, bởi vì:

Việc UBND huyện K tiến hành thu hồi đất của ông L.N.C không đúng trình tự thủ tục luật định và giải quyết bồi thường hỗ trợ thiệt hại về đất bị thu

hồi của ông L.N.C không đúng theo phương án được UBND tỉnh phê duyệt, không phù hợp với quy định của pháp luật, xâm hại đến quyền lợi hợp pháp của ông L.N.C và đã bị Tòa án có thẩm quyền tuyên hủy nhiều lần. Lỗi chậm trễ trong việc thu hồi đất và giải quyết bồi thường hỗ trợ thiệt hại về đất bị thu hồi của ông L.N.C là do UBND gây ra và đến nay ông L.N.C vẫn chưa được UBND thị xã K thực hiện chi trả bồi thường hỗ trợ thiệt hại về đất bị thu hồi.

Căn cứ Khoản 1 Điều 14 Thông tư 37/2014/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường, hướng dẫn chi tiết thi hành Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; Khoản 8 Điều 4 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung Khoản 6, Khoản 7 Điều 34 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; Điểm a Khoản 2 Điều 9 Nghị định 197/2004/NĐ-CP của Chính phủ; Điểm a Khoản 1 Điều 56 Luật Đất đai năm 2003; UBND thị xã K phải bồi thường hỗ trợ thiệt hại về đất cho ông L.N.C theo đơn giá đất ở trên thị trường trong điều kiện bình thường hiện nay.

Theo Quyết định 174/QĐ-UBND ngày 24/01/2018 của UBND tỉnh Bình Dương về việc *phê duyệt đơn giá bồi thường, hỗ trợ về đất thực hiện dự án bồi thường giải phóng mặt bằng thu hồi đất dọc Xa Lô Hà Nội trên địa bàn tỉnh Bình Dương để tạo quỹ đất xây dựng tuyến Metro Bến Thành Suối Tiên*, đơn giá đất ở (vị trí 1) là 20.190.000 đồng/m², đơn giá đất nông nghiệp là 12.164.000 đồng/m².

Từ những căn cứ pháp lý nêu trên, ông L.N.C yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau đây đối với người bị kiện:

1. Hủy Quyết định số 4798/QĐ-UBND ngày 29/9/2009 của UBND huyện (nay là thị xã) K về việc thu hồi đất của ông (bà) L.N.C ngụ tại 41/13 ấp Ngãi Thắng và Quyết Thắng, xã N, huyện K.

2. Hủy Quyết định số 4177/QĐ-UBND ngày 28/7/2015 của UBND thị xã K, về việc sửa đổi bổ sung quyết định số 4798/QĐ-UBND ngày 29/9/2009, v/v thu hồi đất của ông (bà) L.N.C.

3. Hủy Quyết định số 2925/QĐ-UBND ngày 13/7/2018 của UBND thị xã K về việc công bố tiền bồi thường, hỗ trợ về đất và tài sản gắn liền với đất

4. Hủy Quyết định 4740/QĐ-UBND ngày 25/10/2018 của Chủ tịch UBND thị xã K về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông L.N.C.

5. Đề nghị UBND thị xã K giải quyết bồi thường, hỗ trợ thiệt hại về đất bị thu hồi diện tích 48,2m² thửa 681 tờ bản đồ số 8 tại ấp Ngãi Thắng, phường Bình Thắng, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương cho ông L.N.C theo đơn giá đất ở là 20.190.000 đồng/m².

* *Tại Văn bản số 487/UBND-KT ngày 11/3/2019 người bị kiện UBND thị xã K và Chủ tịch UBND thị xã K trình bày:*

Diện tích đất thuộc quyền sử dụng của ông L.N.C thuộc phạm vi giải tỏa công trình xây dựng cầu Đồng Nai mới và đường dẫn 02 đầu cầu là 48,2m² đất hành lang đường bộ (đã được UBND huyện K ban hành Quyết định thu hồi đất chi tiết số 4798/QĐ-UBND ngày 29/9/2009).

Căn cứ Quyết định số 3752/QĐ-UBND ngày 27/11/2008 của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Dương về việc phê duyệt Phương án tổng thể bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, UBND huyện K đã tổ chức áp giá, trình phê duyệt hồ sơ bồi thường cho ông L.N.C. Ngày 19/8/2009, UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 3764/QĐ-UBND về việc phê duyệt dự toán kinh phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư (đợt 2), trong đó có trường hợp ông L.N.C.

Trên cơ sở đó, UBND huyện K ban hành Quyết định số 3318/QĐ-UBND ngày 14/9/2009 về việc công bố tiền bồi thường về đất và tài sản trên đất cho ông L.N.C với tổng số tiền là 81.320.750 đồng, cụ thể:

- Về đất: 77.120.000 đồng.

(Đất thuộc hành lang bảo vệ đường bộ Quốc lộ 1A không xem xét bồi thường, chỉ hỗ trợ bằng giá đất nông nghiệp 1.600.000 đồng/m²).

- Về tài sản trên đất: 4.200.750 đồng.

Không đồng ý Quyết định số 3318/QĐ-UBND nêu trên, ông L.N.C khiếu nại tại UBND huyện K và UBND tỉnh Bình Dương. Nội dung khiếu nại: Bồi thường 48,2m² đất hành lang đường bộ theo đơn giá đất ở 5.500.000 đồng/m².

Kết quả giải quyết: UBND huyện và UBND tỉnh bác đơn khiếu nại (*Tại công văn số 2362/UBND-GPMB ngày 27/10/2009; Quyết định số 954/QĐ-UBND ngày 26/3/2010 và Quyết định số 142/QĐ-UBND ngày 12/01/2011*).

Ông L.N.C khởi kiện tại Tòa án nhân dân thị xã K và đã bị Toà án nhân dân thị xã K bác đơn khởi kiện (*Bản án số 09/2011/HC-ST ngày 25/11/2011*). Ông L.N.C tiếp tục kháng cáo. Kết quả giải quyết: Tòa án nhân dân tỉnh chấp nhận kháng cáo của ông L.N.C; đồng thời, hủy Quyết định số 3318/QĐ-UBND ngày 14/9/2009 của UBND huyện K (*Bản án số 02/2012/HCPT ngày 27/3/2012*) với lý do: *Quyết định số 3318/QĐ-UBND được ban hành trước Quyết định số 4798/QĐ-UBND về việc thu hồi đất chi tiết của ông L.N.C là không đúng trình tự, thủ tục theo quy định, mặc dù trước đó vào ngày 12/12/2008, UBND tỉnh Bình Dương đã ban hành Quyết định số 3949/QĐ-UBND về việc thu hồi đất chung cho cả công trình kèm theo danh sách cụ thể nhưng trong đó không có tên ông L.N.C.*

Ngày 15/4/2015, UBND tỉnh Bình Dương đã ban hành Quyết định số 910/QĐ-UBND về việc đính chính danh sách thu hồi đất kèm theo Quyết định số 3949/QĐ-UBND ngày 12/12/2008 của UBND tỉnh (*đính chính trường hợp ông L.N.C*).

Sau đó, UBND thị xã đã ban hành quyết định số 4177/QĐ-UBND ngày 28/7/2015 về việc sửa đổi, bổ sung quyết định số 4798/QĐ-UBND ngày 29/9/2009 của UBND huyện K về việc thu hồi đất của ông (bà) L.N.C (*chỉ định chính căn cứ pháp lý, không hủy bỏ định số 4798/QĐ-UBND*). Đồng thời, để đảm bảo trình tự, thủ tục trong việc thu hồi đất và ban hành lại Quyết định công bố tiền bồi thường chi tiết đối với trường hợp ông L.N.C, UBND thị xã K kiến nghị Sở Tài nguyên-Môi trường, UBND tỉnh cho phép giữ nguyên giá trị bồi thường về đất và tài sản gắn liền với đất đã được phê duyệt cho ông L.N.C tại Quyết định số 3764/QĐ-UBND ngày 19/8/2009 của UBND tỉnh (*Công văn số 1468/UBND-KT ngày 02/6/2015*).

Ngày 03/12/2015, UBND tỉnh đã cho chủ trương giải quyết tại Công văn số 4288/UBND-KT, cụ thể: *“Giao UBND thị xã chỉ đạo Chi nhánh Trung tâm phát triển quỹ đất thị xã thực hiện theo phương án đã được phê duyệt. Áp giá bồi thường, hỗ trợ theo loại đất được xác định tại Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất được cấp ...”*

Căn cứ các cơ sở pháp lý trên và chủ trương của UBND tỉnh, Trung tâm Phát triển quỹ đất đã tham mưu UBND thị xã ban hành Quyết định số 2270/QĐ-UBND ngày 15/6/2016 về việc công bố tiền bồi thường, hỗ trợ về đất và tài sản gắn liền với đất đối với ông L.N.C, tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ là 81.320.750 đồng, cụ thể:

- Về đất: 77.120.000 đồng.

Diện tích giải tỏa: 48,2m² đất hành lang đường bộ.

(Đất thuộc hành lang bảo vệ đường bộ Quốc lộ 1A không xem xét bồi thường, chỉ hỗ trợ bằng giá đất nông nghiệp 1.600.000 đồng/m²).

- Về tài sản trên đất: 4.200.750 đồng.

Không đồng ý kết quả giải quyết tại Quyết định số 2270/QĐ-UBND ngày 15/6/2016, ông L.N.C tiếp tục khởi kiện lên Tòa án nhân dân cấp cao tại TP HCM. Ngày 10/8/2017, Tòa án nhân dân cấp cao tại TP HCM tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông L.N.C đối với yêu cầu hủy Quyết định số 2270/QĐ-UBND ngày 15/6/2016 của Chủ tịch UBND thị xã K (*Bản án số 178/2017/HC-PT*). Với lý do:

Không bồi thường diện tích 48,2m² cho ông L.N.C vì nằm trong hành lang an toàn giao thông đường bộ, lập luận như thế là chưa chính xác. Bởi lẽ:

Căn cứ theo Công văn số 6429/UBND-SX ngày 21/12/2005 của UBND tỉnh Bình Dương về việc hướng dẫn bồi thường đất nằm trong hành lang đường bộ quy định: *“Không xem xét bồi thường đất thuộc hành lang đường bộ xác lập trước ngày 15/10/1993”*.

Trường hợp ông L.N.C sử dụng đất được xác lập sau ngày 15/10/1993 (GCN QSDĐ cấp ngày 13/01/2003). Do đó, trường hợp ông L.N.C được tính

theo Điểm 2 Phần 4 công văn nêu trên: “*Đất hành lang bảo vệ đường bộ về đất liền kề đất ở được bồi thường theo giá đất ở*”.

Sau khi nhận được Bản án số 178/2017/HC-PT, UBND thị xã đã tổ chức áp giá bổ sung đất hành lang bảo vệ đường bộ về đất liền kề đất ở được bồi thường theo giá đất ở 5.500.000 đồng/m² cho ông L.N.C, UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 1756/QĐ-UBND ngày 29/6/2018 và UBND thị xã công bố tại Quyết định số 2925/QĐ-UBND ngày 13/7/2018 với tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ là 269.300.750 đồng, cụ thể:

- Về đất: 265.100.000 đồng.

Diện tích giải tỏa: 48,2m² đất hành lang đường bộ liền kề đất ở bồi thường theo đơn giá đất ở.

- Về tài sản trên đất: 4.200.750 đồng.

UBND thị xã đã tổ chức mời chi trả nhưng ông L.N.C không đồng ý nhận tiền và tiếp tục khởi kiện ra Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương yêu cầu bồi thường diện tích đất 48,2m² theo đơn giá bồi thường đất của dự án mở rộng Xa lộ Hà Nội là 20.190.000 đồng/m².

Từ những cơ sở trên, UBND thị xã K nhận thấy việc bồi thường diện tích đất 48,2m² đất hành lang bảo vệ đường bộ liền kề đất ở theo đơn giá đất ở 5.500.000 đồng/m² cho ông L.N.C là đúng với quy định tại Quyết định số 3752/QĐ-UBND ngày 27/11/2008 của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Dương về việc phê duyệt phương án tổng thể bồi thường, hỗ trợ và tái định cư công trình xây dựng cầu Đồng Nai mới và đường hai đầu cầu và Công văn số 6429/UBND-SX ngày 21/12/2005 của UBND tỉnh Bình Dương về việc thực hiện bồi thường đối với đất trong hành lang bảo vệ đường bộ.

Việc ông L.N.C yêu cầu bồi thường diện tích đất 48,2m² đất hành lang bảo vệ đường bộ liền kề đất ở theo đơn giá đất ở của dự án mở rộng Xa lộ Hà Nội 20.190.000 đồng/m² là không có cơ sở xem xét giải quyết.

* *Tại Văn bản số 246/CCQLĐĐ-KTĐ ngày 24/4/2019, ông T.P.T là người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan UBND tỉnh Bình Dương trình bày:*

Công trình xây dựng cầu Đồng Nai mới và đường dẫn 02 đầu cầu được Bộ Giao thông vận tải phê duyệt tiểu dự án thành phần Giải phóng mặt bằng – Tái định cư tại Quyết định số 1408/QĐ-BGTVT ngày 20/5/2008.

Ngày 27/11/2008, UBND tỉnh ban hành Quyết định số 3752/QĐ-UBND phê duyệt Phương án tổng thể về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư Công trình xây dựng cầu Đồng Nai mới và đường dẫn hai đầu cầu (Sau đây gọi tắt là Phương án tổng thể) và được điều chỉnh, bổ sung chính sách bồi thường tại Công văn số 1192/UBND – KTN ngày 04/5/2010 và Thông báo số 54/TB-UBND ngày 14/4/2015 của UBND tỉnh Bình Dương.

Công trình được triển khai thực hiện trên địa bàn phường N, thị xã K, tỉnh Bình Dương và thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai. Trong đó, tổng diện tích thu hồi đất trên địa bàn thị xã K là 126.940,3m² với 239 trường hợp bị ảnh hưởng, trong đó có 11 tổ chức và 228 hộ dân

Ông L.N.C sử dụng phần đất có tổng diện tích 297m² (29m² đất ở, 268m² đất thuộc hành lang an toàn đường bộ Quốc lộ 1A) đã được UBND huyện K (nay là thị xã K) cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 4528/QSDĐ/HTHBA ngày 13/01/2003. Diện tích đất thuộc phạm vi giải phóng mặt bằng công trình xây dựng cầu Đồng Nai mới và đường dẫn 02 đầu cầu là 48,2m² đất thuộc hành lang an toàn đường bộ (HLATĐB).

Căn cứ Quyết định số 3752/QĐ-UBND ngày 27/11/2008 của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Dương về việc phê duyệt Phương án tổng thể bồi thường, hỗ trợ, tái định cư công trình xây dựng cầu Đồng Nai mới và đường hai đầu cầu, UBND huyện K đã tổ chức áp giá, trình Sở Tài chính thẩm định trình UBND tỉnh phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cho ông L.N.C tại Quyết định số 3764/QĐ-UBND ngày 19/8/2009.

Trên cơ sở Quyết định số 3764/QĐ-UBND, UBND huyện K đã ban hành Quyết định số 3318/QĐ-UBND ngày 14/9/2009 về việc công bố tiền bồi thường về đất và tài sản trên đất cho ông L.N.C với tổng số tiền là 81.320.750 đồng, cụ thể:

- Về đất: 77.120.000 đồng (Đất thuộc hành lang bảo vệ đường bộ Quốc lộ 1A không xem xét bồi thường, chỉ hỗ trợ bằng giá đất nông nghiệp 1.600.000 đồng/m²).

- Về tài sản trên đất: 4.200.750 đồng.

Không đồng ý với số tiền hỗ trợ về đất theo đơn giá đất nông nghiệp, ông L.N.C yêu cầu bồi thường phần diện tích 48,2 m² theo đơn giá đất ở và bắt đầu có khiếu nại, khiếu kiện lần lượt tại UBND thị xã K, UBND tỉnh Bình Dương, Tòa án nhân dân thị xã K, Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương, Tòa án nhân dân cấp cao tại TP HCM;

Ngày 10/8/2017, Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông L.N.C đối với yêu cầu hủy Quyết định số 2270/QĐ-UBND ngày 15/6/2016 của Chủ tịch UBND thị xã K (Bản án số 178/2017/HC-PT). Trong đó, Tòa án nhân dân cấp cao nhận định phần diện tích 48,2 m² đất thuộc HLATĐB liền kề đất ở được bồi thường theo giá đất ở quy định tại điểm 2 phần 4 Công văn 6429/UBND-SX ngày 21/12/2005 của UBND tỉnh Bình Dương.

Thực hiện bản án nêu trên, UBND thị xã đã tổ chức áp giá bổ sung cho ông L.N.C theo đơn giá đất ở 5.500.000 đồng/m² (Đơn giá này đã được UBND tỉnh quy định tại Quyết định số 3752/QĐ-UBND phê duyệt Phương án tổng thể về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư Công trình xây dựng cầu Đồng Nai mới và

đường dẫn hai đầu cầu) trình UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 1756/QĐ-UBND ngày 29/6/2018 và UBND thị xã công bố tại Quyết định số 2925/QĐ-UBND ngày 13/7/2018 với tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ là 269.300.750 đồng, cụ thể:

- Về đất: 265.100.000 đồng (Diện tích giải tỏa: 48,2m² đất hành lang đường bộ liền kề đất ở bồi thường theo đơn giá đất ở).

- Về tài sản trên đất: 4.200.750 đồng.

Không đồng ý với đơn giá bồi thường 5.500.000 đồng/m², nay ông L.N.C tiếp tục khiếu kiện yêu cầu bồi thường theo đơn giá 20.190.000 đồng/m² và hủy các quyết định hành chính có liên quan.

Công trình xây dựng cầu Đồng Nai mới và đường dẫn hai đầu cầu được UBND tỉnh phê duyệt Phương án tổng thể về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư tại Quyết định số 3752/QĐ-UBND ngày 27/11/2008. Theo đó tại khoản 1 mục I phần C của phương án quy định: *Việc bồi thường về đất thuộc hành lang an toàn đường bộ được áp dụng theo Văn bản 6429/UBND-SX ngày 21/12/2005 của UBND tỉnh Bình Dương về việc thực hiện bồi thường đối với đất trong hành lang bảo vệ đường bộ.*

Tại mục 2 Văn bản 6429/UBND-SX ngày 21/12/2005 của UBND tỉnh Bình Dương quy định: *“Không xem xét bồi thường đối với đất thuộc hành lang bảo vệ đường bộ đã được nhà nước xác lập trước ngày 15/10/1993 (thời điểm Luật Đất đai năm 1993 có hiệu lực thi hành) vì Luật Đất đai trước đó chưa thừa nhận giá trị bằng tiền của đất nên chính sách bồi thường trong giai đoạn nói trên không đề cập đến việc bồi thường về đất”*. Theo quy định trên, đối với những tuyến đường mà HLATĐB đã được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền xác lập trước ngày 15/10/1993 thì đất thuộc HLATĐB tuyến đường đó không được bồi thường về đất.

Đối chiếu trường hợp của ông L.N.C thì phần diện tích đất thu hồi thuộc HLATĐB đường Quốc lộ 1A và HLATĐB này đã được xác lập vào thời điểm năm 1982 (Thời điểm Nghị định số 203/HĐBT ngày 21/12/1982 của Hội đồng Bộ trưởng về việc ban hành điều lệ bảo vệ đường bộ có hiệu lực thi hành). Do đó, phần diện tích 48,2m² của ông L.N.C không đủ điều kiện được bồi thường về đất tại thời điểm này.

Tuy nhiên, nhằm hỗ trợ cho các hộ dân ổn định đời sống, UBND thị xã K, UBND tỉnh đã xem xét hỗ trợ cho các hộ dân có đất thuộc HLATĐB theo đơn giá đất nông nghiệp (1.600.000 đồng/m²) và vấn đề này sau đó đã được UBND tỉnh bổ sung vào Phương án tổng thể tại Công văn số 1192/UBND – KTN ngày 04/5/2010. Như vậy xuyên suốt quá trình UBND thị xã K, UBND tỉnh phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ về đất cho ông L.N.C theo đơn giá 1.600.000 đồng là hoàn toàn phù hợp với quy định và tình hình thực tế tại thời điểm nói trên.

Đến ngày 10/08/2017, Tòa án nhân dân cấp cao tại TP HCM tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông L.N.C đối với yêu cầu hủy Quyết định số 2270/QĐ-UBND ngày 15/6/2016 của Chủ tịch UBND thị xã K (*Bản án số 178/2017/HC-PT*) và nhận định phần diện tích 48,2 m² đất thuộc hành lang an toàn đường bộ liền kề đất ở được bồi thường theo giá đất ở theo điểm 2 phần 4 Công văn 6429/UBND-SX ngày 21/12/2005 của UBND tỉnh Bình Dương. Do đó, UBND thị xã K đã trình UBND tỉnh phê duyệt bổ sung kinh phí bồi thường cho ông L.N.C theo đơn giá đất ở 5.500.000 đồng/m² quy định tại Phương án tổng thể.

Từ những phân tích nêu trên, việc ông L.N.C yêu cầu bồi thường diện tích đất 48,2m² đất hành lang bảo vệ đường bộ liền kề đất ở theo đơn giá đất ở của dự án mở rộng Xa lộ Hà Nội 20.190.000 đồng/m² là không có cơ sở xem xét, giải quyết. Đồng thời thì hiện nay trong phạm vi dự án có tổng cộng khoảng 67 trường hợp (với diện tích khoảng 8.710m²) tương tự như trường hợp của ông L.N.C.

** Ông B.K.T, Luật sư thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh, là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông L.N.C trình bày:*

Từ năm 2009 đến nay, ông L.N.C đã nhiều lần khởi kiện các quyết định áp giá bồi thường về đất khi đất bị thu hồi và đã được Tòa án cấp phúc thẩm của tỉnh Bình Dương và cấp cao chấp nhận, xử tuyên hủy các quyết định áp giá. Tuy nhiên, ngày 13/7/2018 UBND thị xã K vẫn ra Quyết định số 2925/QĐ-UBND trong đó áp giá được phê duyệt từ năm 2008 là trái pháp luật và gây thiệt hại quyền lợi cho ông L.N.C. Ông L.N.C khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 4798/QĐ-UBND ngày 29/9/2009 và Quyết định số 4177/QĐ-UBND ngày 28/7/2015 của UBND thị xã K, về việc sửa đổi bổ sung Quyết định số 4798/QĐ-UBND ngày 29/9/2009 và đề nghị UBND thị xã K áp giá 20.190.000 đồng/m² khi ban hành lại các quyết định hành chính mới là có cơ sở chấp nhận, đề nghị Tòa án chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông L.N.C.

** Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương có ý kiến:*

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án đã tuân theo pháp luật tố tụng hành chính trong quá trình tiến hành tố tụng. Các đương sự đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo các quy định của pháp luật tố tụng hành chính trong quá trình tham gia tố tụng vụ kiện.

Về nội dung, Viện Kiểm sát đề xuất: Có căn cứ chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông L.N.C về việc hủy Quyết định số 2925/QĐ-UBND về việc thu hồi đất của ông L.N.C; Quyết định số 4740/QĐ-UBND của Chủ tịch UBND thị xã K về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông L.N.C.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông L.N.C về việc hủy các quyết định số 4798/QĐ-UBND ngày 29/9/2009 về việc thu hồi đất của ông L.N.C và quyết định số 4177/QĐ-UBND ngày 28/7/2015 của UBND thị xã K

về việc sửa đổi, bổ sung quyết định số 4798/QĐ-UBND.

Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu đề nghị UBND thị xã K giải quyết bồi thường, hỗ trợ diện tích 48 m² đất bị thu hồi theo đơn giá đất ở là 20.190.000 đồng/ m² do không thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Quá trình kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và đối thoại và tại phiên tòa sơ thẩm, người khởi kiện vẫn giữ nguyên các yêu cầu khởi kiện.

Người đại diện hợp pháp của người bị kiện và người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn xin vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên các bên đương sự không thể đối thoại được với nhau về việc giải quyết vụ án.

[1.2]. Về sự có mặt của các đương sự tại phiên tòa: Xét thấy, người đại diện hợp pháp của người bị kiện và người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần và cũng đã có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 158 Luật tố tụng hành chính, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự này.

[1.3]. Theo đơn khởi kiện ban đầu của ông L.N.C nộp tại Tòa án ngày 21/11/2018, ông L.N.C yêu cầu hủy các quyết định hành chính:

- Quyết định số 2925/QĐ-UBND ngày 13/7/2018 của UBND thị xã K về việc công bố tiền bồi thường, hỗ trợ về đất và tài sản gắn liền với đất

- Quyết định 4740/QĐ-UBND ngày 25/10/2018 của Chủ tịch UBND thị xã K về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông L.N.C.

Đơn được nộp trong thời hiệu khởi kiện và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 116 và khoản 4 Điều 32 Luật Tố tụng hành chính.

Ngày 08/4/2019 ông L.N.C nộp đơn khởi kiện bổ sung tại Tòa án với yêu cầu:

- Hủy Quyết định số 4798/QĐ-UBND ngày 29/9/2009 của UBND huyện K về việc thu hồi đất của ông (bà) L.N.C ngụ tại 41/13 ấp Ngãi Thắng và Quyết Thắng, xã N, huyện K.

- Hủy Quyết định số 4177/QĐ-UBND ngày 28/7/2015 UBND thị xã K, về việc sửa đổi bổ sung quyết định số 4798/QĐ-UBND ngày 29/9/2009, v/v thu hồi đất của ông (bà) L.N.C.

Ông L.N.C đã nhận Quyết định số 4798/QĐ-UBND ngày 29/9/2009 và Quyết định số 4177/QĐ-UBND ngày 28/7/2015 từ nhiều năm trước, nhưng chỉ khởi kiện theo thủ tục tố tụng hành chính các quyết định công bố tiền bồi

thường về đất và tài sản trên đất, không khởi kiện yêu cầu hủy các quyết định hành chính về thu hồi đất đến nay là đã hết thời hiệu khởi kiện theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 116 Luật Tổ tụng hành chính.

Tuy nhiên, xét Quyết định số 4798/QĐ-UBND ngày 29/9/2009 và Quyết định số 4177/QĐ-UBND ngày 28/7/2015 của Ủy ban nhân dân thị xã K có liên quan đến Quyết định số 2925/QĐ-UBND ngày 13/7/2018 của Ủy ban nhân dân thị xã K vì đây là những căn cứ pháp lý để Ủy ban nhân dân thị xã K ban hành Quyết định số 2925/QĐ-UBND ngày 13/7/2018. Theo quy định tại khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 193 Luật tổ tụng hành chính và mục 5 phần V Hướng dẫn số 01/2017/GĐ-TANDTC ngày 07/4/2017 của Tòa án nhân dân Tối cao: *“Trong quá trình xét xử, Hội đồng xét xử có thẩm quyền xem xét tính hợp pháp đối với tất cả các quyết định hành chính khác có liên quan đến quyết định hành chính bị khởi kiện mà không phụ thuộc vào việc các quyết định này còn hay hết thời hiệu khởi kiện”*. Do đó, để xem xét tính hợp pháp đối với Quyết định số 2925/QĐ-UBND ngày 13/7/2018 thì cần xem xét tất cả các quyết định hành chính khác có liên quan mà không phụ thuộc vào việc các quyết định này còn hay hết thời hiệu khởi kiện. Ông L.N.C đã có đơn khởi kiện bổ sung quyết định thu hồi đất và đã được Tòa án thụ lý theo quy định của pháp luật tổ tụng hành chính. Hội đồng xét xử có thẩm quyền xem xét, quyết định tính hợp pháp của các quyết định hành chính theo đơn khởi kiện ban đầu và đơn khởi kiện bổ sung của ông L.N.C.

[2]. Về nội dung vụ án:

[2.1]. Xét tính hợp pháp của các quyết định thu hồi đất:

Nhằm giải phóng mặt bằng phục vụ công trình xây dựng cầu Đồng Nai mới và đường dẫn hai đầu cầu tại xã N, huyện K (nay là phường N, thị xã K), tỉnh Bình Dương, Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương đã ban hành Quyết định số 3949/QĐ-UBND ngày 12/12/2008, trong đó có các nội dung sau: *“Thu hồi khu đất có tổng diện tích: 126.940,3m² tại xã N, huyện K, tỉnh Bình Dương của các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng (có danh sách đính kèm) ...”*; giao cho *“Ủy ban nhân dân huyện K ký quyết định thu hồi đất cụ thể đối với từng hộ gia đình, cá nhân ...”*. Việc thu hồi đất là nhằm mục đích lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng và đúng quy định về thẩm quyền được quy định tại khoản 1 Điều 38 và Điều 44 Luật đất đai 2003.

Điều 3 của Quyết định số 3949/QĐ-UBND ngày 12/12/2008 quy định: *“Chánh văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện K, **người có đất bị thu hồi** và thủ trưởng các sở, ban, ngành có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này, kể từ ngày ký”*. Tuy nhiên, theo danh sách người có đất bị thu hồi đính kèm thì không có tên của ông L.N.C. Như vậy, ông L.N.C không phải là đối tượng bị điều chỉnh của Quyết định số 3949/QĐ-UBND ngày 12/12/2008 của UBND tỉnh Bình Dương, nhưng UBND huyện (nay là thị xã) K căn cứ vào Quyết định số 3949/QĐ-UBND ngày 12/12/2008 của

UBND tỉnh Bình Dương đề ban hành Quyết định số 4798/QĐ-UBND ngày 29/9/2009 về việc thu hồi đất của ông L.N.C là không có căn cứ. Lẽ ra, UBND thị xã K khi phát hiện được thiếu sót trên thì phải báo cáo ngay với UBND tỉnh Bình Dương để đính chính, bổ sung danh sách người có đất bị thu hồi có trường hợp của ông L.N.C, sau đó mới ra quyết định thu hồi đất của ông L.N.C. Đến ngày 15/4/2015 UBND tỉnh Bình Dương mới ban hành Quyết định số 910/QĐ-UBND đính chính danh sách thu hồi đất các tổ chức, hộ gia đình, cụ thể như sau: “*Tại số thứ tự 207 có ghi đất giao thông diện tích 3.212,1m²; nay đính chính lại là diện tích 3.212,1m² đã bao gồm phần diện tích đất bị giải tỏa 48,2m² của hộ ông L.N.C*”. Như vậy, đến thời điểm này ông L.N.C mới có tên trong danh sách người có đất bị thu hồi, là đối tượng bị điều chỉnh bởi Quyết định số 3949/QĐ-UBND ngày 12/12/2008 của UBND tỉnh Bình Dương (được bổ sung bởi Quyết định số 910/QĐ-UBND ngày 15/4/2015). Sau đó, UBND thị xã K không ban hành quyết định thu hồi đất mới mà lại ban hành Quyết định 4177/QĐ-UBND ngày 28/7/2015 chỉ sửa đổi, bổ sung căn cứ pháp lý của Quyết định 4798/QĐ-UBND ngày 29/9/2009: “*Căn cứ Quyết định số 910/QĐ-UBND ngày 15/4/2015 của UBND tỉnh Bình Dương về việc đính chính danh sách thu hồi đất của các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân công trình: Xây dựng cầu Đồng Nai mới và đường dẫn hai đầu cầu kèm theo Quyết định số 3949/QĐ-UBND ngày 12/12/2008 của UBND tỉnh*” và “*Các nội dung khác của Quyết định số 4798/QĐ-UBND ngày 29/9/2009 vẫn giữ nguyên giá trị pháp lý*”. Việc đính chính này không thể làm cho Quyết định 4798/QĐ-UBND vẫn có hiệu lực từ ngày 29/9/2009 vì thời điểm này ông L.N.C chưa có tên trong danh sách người bị thu hồi đất. Việc đính chính bằng Quyết định 4177/QĐ-UBND làm cho quyết định thu hồi đất có hiệu lực đối với trường hợp ông L.N.C từ ngày 28/7/2015. Xét về bản chất, việc thu hồi đất là có căn cứ pháp lý và đúng thẩm quyền nên không thể hủy bỏ nhằm bảo đảm tiến độ thực hiện dự án công trình xây dựng cầu Đồng Nai mới và đường dẫn hai đầu cầu. Do đó, yêu cầu của ông L.N.C về việc hủy bỏ quyết định thu hồi đất và quyết định đính chính của quyết định này là không có cơ sở chấp nhận.

[2.2]. Xét tính hợp pháp của quyết định bồi thường, hỗ trợ về đất:

Tại bản án hành chính phúc thẩm số 178/HC-PT ngày 10/8/2017 của Tòa án nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh đã trích dẫn Khoản 2 Điều 74 Luật đất đai 2013 “*...nếu không có đất để bồi thường thì được bồi thường bằng tiền theo giá đất cụ thể của loại đất thu hồi do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định tại thời điểm thu hồi*” và đã nhận định về các sai sót của cơ quan hành chính Nhà nước: “*Trong trường hợp này lỗi dẫn đến chậm ra quyết định thu hồi đất của ông L.N.C là của cơ quan Nhà nước, không phải lỗi của ông L.N.C*”. Vì vậy, lẽ ra sau khi có Quyết định 4177/QĐ-UBND ngày 28/7/2015 sửa đổi, bổ sung Quyết định 4798/QĐ-UBND ngày 29/9/2009 thì UBND phải định giá đất cụ thể tại thời điểm thu hồi đất, đồng thời cũng là thời điểm bồi

thường đề bồi thường cho ông L.N.C, nhưng vẫn áp giá đền bù từ năm 2008. Quyết định áp giá số 2270/QĐ-UBND ngày 15/6/2016 sau đó đã bị Bản án phúc thẩm số 178/HC-PT ngày 10/8/2017 của Tòa án nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh xử hủy bỏ.

Đến ngày 13/7/2018, UBND thị xã K tiếp tục ban hành Quyết định số 2925/QĐ-UBND áp giá đền bù cho ông L.N.C là thuộc trường hợp bồi thường chậm mà lỗi do cơ quan hành chính (vì các quyết định công bố tiền bồi thường trước đây đã bị Tòa án hủy bỏ), nhưng lại áp giá theo Quyết định số 3752/QĐ-UBND ngày 27/11/2008 của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Dương (cách đó gần 10 năm) là không phù hợp quy định pháp luật và gây thiệt hại quyền và lợi ích hợp pháp của ông L.N.C. Bởi lẽ, khoản 1, Điều 14 Thông tư 37/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất: *“Đối với dự án đầu tư đã có quyết định thu hồi đất và quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư của cơ quan nhà nước có thẩm quyền nhưng đến trước ngày 01 tháng 7 năm 2014 chưa thực hiện chi trả tiền bồi thường thì việc xử lý bồi thường chậm thực hiện theo quy định của pháp luật về đất đai trước ngày 01 tháng 7 năm 2014”*.

Khoản 4, Điều 39 Nghị định 69/2009/NĐ-CP ngày 13/8/2009 và khoản 2, Điều 9 Nghị định 197/2004/NĐ-CP ngày 03/2/2004 của Chính phủ quy định: *“Trường hợp thực hiện bồi thường chậm được quy định như sau: a) Bồi thường chậm do cơ quan, tổ chức có trách nhiệm bồi thường gây ra mà giá đất tại thời điểm bồi thường do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh công bố cao hơn giá đất tại thời điểm có quyết định thu hồi thì bồi thường theo giá đất tại thời điểm trả tiền bồi thường; nếu giá đất tại thời điểm bồi thường thấp hơn giá đất tại thời điểm có quyết định thu hồi thì bồi thường theo giá đất tại thời điểm có quyết định thu hồi”*.

[2.3]. Xét tính hợp pháp của Quyết định số 4740/QĐ-UBND ngày 25/10/2018 của Chủ tịch UBND thị xã K về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông L.N.C:

Do quyết định công bố tiền bồi thường về đất không phù hợp pháp luật nên quyết định của Chủ tịch UBND thị xã K về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông L.N.C là không có căn cứ pháp lý. Yêu cầu khởi kiện của ông L.N.C về việc hủy quyết định này là có cơ sở chấp nhận.

[3]. Xét yêu cầu khởi kiện của ông L.N.C về việc đề nghị UBND thị xã K giải quyết bồi thường, hỗ trợ thiệt hại về đất bị thu hồi diện tích 48,2m² thửa 681 tờ bản đồ số 8 tại Ấp Ngãi Thắng, phường Bình Thắng, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương cho ông L.N.C theo đơn giá đất ở là 20.190.000 đồng/m²:

Khoản 3 và 4 Điều 114 Luật Đất đai năm 2013 quy định về giá đất cụ thể: *“3. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định giá đất cụ thể. Cơ quan quản lý đất đai cấp tỉnh có trách nhiệm giúp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức việc xác*

định giá đất cụ thể. Trong quá trình thực hiện, cơ quan quản lý đất đai cấp tỉnh được thuê tổ chức có chức năng tư vấn xác định giá đất để tư vấn xác định giá đất cụ thể.

Việc xác định giá đất cụ thể phải dựa trên cơ sở điều tra, thu thập thông tin về thửa đất, giá đất thị trường và thông tin về giá đất trong cơ sở dữ liệu đất đai; áp dụng phương pháp định giá đất phù hợp. Căn cứ kết quả tư vấn xác định giá đất, cơ quan quản lý đất đai cấp tỉnh trình Hội đồng thẩm định giá đất xem xét trước khi trình Ủy ban nhân dân cùng cấp quyết định.

Hội đồng thẩm định giá đất gồm Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh làm Chủ tịch và đại diện của cơ quan, tổ chức có liên quan, tổ chức có chức năng tư vấn xác định giá đất.

4. Giá đất cụ thể được sử dụng để làm căn cứ trong các trường hợp sau đây:

đ) Tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất.

.....”

Đối chiếu các quy định trên thì thấy rằng việc định giá đất cụ thể (không phải theo bảng giá đất của UBND tỉnh) để tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất là do cơ quan quản lý đất đai và UBND tỉnh Bình Dương thực hiện. Việc ông L.N.C yêu cầu Tòa án xác định giá đất đền bù theo đơn giá đất ở với mức 20.190.000đ/m² là không thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Ông L.N.C có quyền yêu cầu cơ quan quản lý đất đai và UBND tỉnh Bình Dương thực hiện việc định giá đất cụ thể để tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất theo quy định của pháp luật.

[4]. Xét đề nghị của luật sư của ông L.N.C là có cơ sở chấp nhận một phần.

Xét đề nghị của Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương là phù hợp với quy định của pháp luật và tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 4 Điều 32, điểm a khoản 2 Điều 116, điểm đ khoản 1 Điều 123, điểm h khoản 1 Điều 143, khoản 1 Điều 158, Điều 164, 193 và 194 Luật tổ tụng hành chính;

Căn cứ khoản 1 Điều 38 và Điều 44 Luật đất đai 2003; Khoản 1 Điều 14 Thông tư 37/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ Tài nguyên & Môi trường; Khoản 4, Điều 39 Nghị định 69/2009/NĐ-CP ngày 13/8/2009 và khoản 2, Điều 9 Nghị định 197/2004/NĐ-CP ngày 03/2/2004; Khoản 2 Điều 74, Khoản 3 và 4 Điều 114 Luật đất đai 2013; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông L.N.C về việc yêu cầu Tòa án tuyên hủy các quyết định hành chính về bồi thường, hỗ trợ về đất và giải quyết khiếu nại.

Tuyên hủy các quyết định hành chính sau:

- Hủy Quyết định số 2925/QĐ-UBND ngày 13/7/2018 của UBND thị xã K về việc công bố tiền bồi thường, hỗ trợ về đất và tài sản gắn liền với đất đối với hộ gia đình, cá nhân thuộc công trình xây dựng cầu Đồng Nai mới và đường dẫn hai đầu cầu.

- Hủy Quyết định 4740/QĐ-UBND ngày 25/10/2018 của Chủ tịch UBND thị xã K về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông L.N.C.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông L.N.C về việc hủy các quyết định hành chính về thu hồi đất đối với các quyết định sau:

- Quyết định số 4798/QĐ-UBND ngày 29/9/2009 của UBND huyện (nay là thị xã) K về việc thu hồi đất của ông (bà) L.N.C.

- Quyết định số 4177/QĐ-UBND ngày 28/7/2015 của UBND thị xã K, về việc sửa đổi bổ sung quyết định số 4798/QĐ-UBND ngày 29/9/2009, v/v thu hồi đất của ông (bà) L.N.C.

3. Đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện của ông L.N.C về việc được áp giá đền bù theo đơn giá 20.190.000 đồng/m² vì không thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

4. Án phí hành chính sơ thẩm:

- Ông L.N.C không phải nộp án phí; được nhận lại 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0026981 ngày 04/01/2019 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Bình Dương.

- Ủy ban nhân dân thị xã K phải nộp 300.000 đồng.

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã K phải nộp 300.000 đồng.

Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự không có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao cho họ hoặc được niêm yết.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Cục THADS tỉnh Bình Dương;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Tòa HC, tổ HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Nguyễn Công Lực

